

Số: 05./TB-UBND

Tân Kim, ngày 19 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO
Công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Căn cứ luật đất đai 2013;

Căn cứ Quyết định số: 3298/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Phú Bình;

Căn cứ Thông báo số: 03/TB-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện Phú Bình về việc công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Phú Bình;

UBND xã Tân Kim thông báo đến nhân dân trên địa bàn xã các nội dung sau:

1. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện Phú Bình đã được phê duyệt theo Quyết định số 3298/QĐ-UBND, ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

2. Yêu cầu các ông, bà bí thư chi bộ, trưởng xóm thông tin tuyên truyền nội dung Quyết định số 3298/QĐ-UBND, ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên trên qua hệ thống loa FM của xóm để toàn thể nhân dân được biết và thực hiện chuyển mục đích theo quy định.

3. Đề nghị Các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 3298/QĐ-UBND, ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên đến tại trụ sở UBND xã Tân Kim để gặp cán bộ chuyên môn hướng dẫn các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

4. Yêu cầu các hộ gia đình, cá nhân khi đi đem theo GCN QSD đất gốc, sổ hộ khẩu và CMND.

5. Thời gian: Vào các ngày làm việc trong tuần.

6. Địa điểm: Tại phòng tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính xã Tân Kim.

Trên đây là thông báo của UBND xã Tân Kim đề nghị các ông, bà trưởng xóm, địa chính và toàn thể nhân dân nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy;
- TT.HĐND;
- CT.UBND, PCT.UBND;
- Các ông (bà) trưởng xóm;
- Cán bộ Đ/c
- Lưu VP.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết công khai Kế hoạch sử dụng đất huyện Phú Bình

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 19 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở UBND xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

I. Thành phần gồm:

- Ông Phạm Văn Hiệp: Chủ tịch UBND xã
- Ông Dương Văn Vĩnh: P.Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã;
- Ông/bà Đào Thị Bích Hương: Cán bộ địa chính;
- Ông/bà Phạm Thị Hiền: Cán bộ Văn phòng UBND xã;
- Ông Nguyễn Đắc Mạnh: Trưởng xóm Bạch Thạch: Đại diện các xóm trên địa bàn xã Tân Kim

II. Nội dung:

Căn cứ Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Phú Bình

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND huyện, UBND xã Tân Kim tiến hành niêm yết công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Phú Bình, cụ thể như sau:

1. Công khai toàn bộ Quyết định số 3298/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và các phụ lục hi tiết kèm theo quyết định.
2. Quyết định trên được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã Tân Kim (tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả) để mọi người được biết.
3. Nội dung quyết định đồng thời được thông báo đến cho các xóm để nhân dân được biết và thực hiện.

Quyết định trên làm căn cứ để thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định và việc niêm yết công khai Quyết định sẽ tự kết thúc đến hết năm 2023.



Biên bản lập xong vào hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày, đọc cho các thành phần cùng nghe và ký tên.

Ủy ban MTTQ xã



Đại diện xóm

Manh

Nguyễn Đức Mạnh



Cán bộ địa chính

Chuang

Đào Thị Bích Hương

Người ghi biên bản

H

Phạm Thị Hiền



Số: *3298* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *28* tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023
huyện Phú Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Bình thời kỳ 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 876/TTr-STNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Phú Bình với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:

Tổng diện tích các loại đất phân bổ năm 2023 là 2.096,78 ha

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2023 là 1.953,40 ha

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 là 1.815,31 ha

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2023 là 4,64 ha

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

5. Danh mục các công trình, dự án:

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2023 là 170 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 2.096,78 ha. Trong đó:

- 166 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2023, với diện tích sử dụng đất là 2.058,60 ha.

(Chi tiết tại phụ lục V và danh sách chi tiết kèm theo)

- 04 công trình, dự án đăng ký mới năm 2023, với diện tích sử dụng đất là 38,18ha.

(Chi tiết tại phụ lục VI và danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện Phú Bình với các nội dung như sau:

Điều chỉnh địa điểm, diện tích đối với 02 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4126/QĐ-UBND ngày 30/12/2020, Quyết định số 2881/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 và Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 30/12/2021. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 4126/QĐ-UBND ngày 30/12/2020, Quyết định số 2881/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 và Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh.

(Chi tiết tại phụ lục VII kèm theo)

Điều 3. Căn cứ vào Điều 1, Điều 2 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật;

3. Đối với các dự án có chuyên mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên, Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường để báo cáo UBND tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNNXD.

U. huai

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Tiến

Lê Quang Tiến



PHỦ LƯC I
Diện tích các loại đất phân bổ năm 2023 huyện Phú Bình
(Kèm theo Quyết định số: 3298 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Diện tích phân theo đơn vị hành chính

STT	Chức năng sử dụng đất	Tổng diện tích	Đơn vị tính: ha																				
			Thị trấn Hương Sơn	Xã Lương Phú	Xã Kha Sơn	Xã Dương Thành	Xã Thanh Ninh	Xã Tân Hòa	Xã Tân Đức	Xã Tân Thành	Xã Tân Kim	Xã Tân Tân Khánh	Xã Bảo Lý	Xã Bàn Dật	Xã Đào Xá	Xã Xuân Phương	Xã Thượng Đình	Xã Diêm Thủy	Xã Nhà Lông	Xã Úc Kỳ	Xã Hà Châu	Xã Nga Mỹ	
	Tổng	2.096,78	208,19	81,75	165,42	1,04	1,69	554,85	154,97	79,61	19,27	1,98	12,10	3,24	1,32	243,35	15,13	332,86	40,06	49,96	11,49	118,51	
1	Đất nông nghiệp																						
1.1	Đất trồng lúa																						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác																						
1.3	Đất trồng cây lâu năm																						
1.4	Đất rừng phòng hộ																						
1.5	Đất rừng đặc dụng																						
1.6	Đất rừng sản xuất																						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản																						
1.8	Đất nông nghiệp khác																						
2	Đất phi nông nghiệp	2.096,78	208,19	81,75	165,42	1,04	1,69	554,85	154,97	79,61	19,27	1,98	12,10	3,24	1,32	243,35	15,13	332,86	40,06	49,96	11,49	118,51	
2.1	Đất ở nông thôn	730,27	19,65	29,93	120,29	0,28	0,35	63,69	39,62	7,37	9,19	0,20	5,84	0,78	0,10	142,52	5,00	186,10	4,76	41,60	7,75	45,26	
2.2	Đất ở đô thị	160,09	152,08		3,61											4,40							
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,18										0,03							0,10			0,05	
2.4	Đất an ninh	0,52			0,37	0,15																	
2.5	Đất quốc phòng	8,68			6,07							1,63		0,98									
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	9,97	1,67		2,60	0,32	0,59	0,33			0,81		0,04	1,30		0,65	0,33		1,23		0,04	0,06	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	1.062,86	24,30	43,10	32,36			490,74	106,30	31,10			3,97			87,47	9,69	121,72	33,43	5,55	1,78	71,35	
2.8	Đất có mục đích công cộng	122,19	10,49	8,72	0,12	0,29	0,08	0,08	9,05	39,94	9,28	0,07	2,25	0,18	1,21	8,31	0,11	23,04	0,45	2,81	1,87	1,84	
2.9	Đất cơ sở tôn giáo																						
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng																						

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																				
			Thị trấn Hương Sơn	Xã Lương Phú	Xã Kha Sơn	Xã Dương Thành	Xã Thanh Ninh	Xã Tân Hòa	Xã Tân Dực	Xã Tân Thành	Xã Tân Kim	Xã Tân Khánh	Xã Bảo Lý	Xã Bàn Dật	Xã Đào Xá	Xã Xuân Phương	Xã Thương Đình	Xã Diêm Thủy	Xã Nhà Lông	Xã Lạc Kỳ	Xã Hà Châu	Xã Nga Mỹ	
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	2.01					0,67																
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối																						
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng																						
2.14	Đất phi nông nghiệp khác																						

**DANH SÁCH CHI TIẾT XIN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH,
CÁ NHÂN NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ BÌNH**

(Kèm theo Quyết định số: *3298* /QĐ-UBND ngày *18* tháng *12* năm 2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn...)	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Loại đất	Diện tích, loại đất xin chuyển mục đích (ha)			
						Tổng diện tích xin chuyển mục đích	Trong đó:		
							Sang đất ở	Sang đất trồng cây lâu năm	Sang đất trồng cây hàng năm khác
I	Thị trấn Hương Sơn								
1	Dương Văn Đoàn	Thị trấn Hương Sơn	816	15	LUK	0,008	0,008		
2	Dương Văn Chính	Thị trấn Hương Sơn	2195	20	NTS	0,020	0,020		
3	Dương Văn Chương	Thị trấn Hương Sơn	2194	20	NTS	0,010	0,010		
4	Thân Thị Thành	Thị trấn Hương Sơn	2780	20	LUK	0,005	0,005		
5	Dương Văn Ngộ	Thị trấn Hương Sơn	2961	24	LUC	0,015	0,015		
6	Chu Thương Nhân	Thị trấn Hương Sơn	558	38	LUC	0,010	0,010		
7	Dương Văn Hưng	Thị trấn Hương Sơn	77	92	CLN	0,010	0,010		
II	Xã Diêm Thụy								
1	Nguyễn Văn Mùi	Xã Diêm Thụy	2009b	2	CLN	0,030	0,030		
2	Nguyễn Quang Huy	Xã Diêm Thụy	2994	9	CLN	0,013	0,013		
3	Cao Văn Dự	Xã Diêm Thụy	359	9	BHK	0,012	0,012		
4	Dương Văn Toàn	Xã Diêm Thụy	358	9	LUK	0,035	0,035		
5	Dương Thị Toàn	Xã Diêm Thụy	2241	15	CLN	0,026	0,026		
6	Dương Thị Hồng Hà	Xã Diêm Thụy	2240	15	CLN	0,031	0,031		
7	Nguyễn Văn Tín	Xã Diêm Thụy	2169	15	LUK	0,012	0,012		
III	Xã Tân Kim								
1	Hoàng Công Bằng	Xã Tân Kim	1270	17	CLN	0,023	0,023		
2	Đặng Văn Tú	Xã Tân Kim	515	18	LUK	0,032	0,032		
3	Nguyễn Như Thuần	Xã Tân Kim	566	24	CLN	0,010	0,010		
4	Nguyễn Văn Tỏa	Xã Tân Kim	1134	29	LUK	0,010	0,010		
5	Nguyễn Văn Cẩn	Xã Tân Kim	1675	29	CLN	0,021	0,021		
6	Nguyễn Văn Tiền	Xã Tân Kim	1498	30	BHK	0,020	0,020		
7	Đào Thị Xuyên	Xã Tân Kim	1531	30	CLN	0,010	0,010		
8	Nguyễn Văn Năng	Xã Tân Kim	1532	30	CLN	0,010	0,010		
9	Hoàng Thị Thao	Xã Tân Kim	1127	30	BHK	0,010	0,010		
10	Nguyễn Thị Thủy	Xã Tân Kim	874	30	BHK	0,010	0,010		
11	Lương Văn Nếp	Xã Tân Kim	427	38	CLN	0,020	0,020		
IV	Xã Nga My								
1	Trần Văn Đình	Xã Nga My	1548(745)	09(08)	CLN	0,020	0,020		
2	Nguyễn Văn Biên	Xã Nga My	329(303)	23(43)	LUC	0,010	0,010		
V	Xã Tân Thành								
1	Lãng Văn Thực	Xã Tân Thành	1121(535)	31	CLN	0,010	0,010		
2	Chu Thị Diệp	Xã Tân Thành	957(255)	37	CLN	0,010	0,010		
3	Đình Văn Phượng	Xã Tân Thành	2230(571)	37	CLN	0,010	0,010		
4	Chu Thị Thu Hà	Xã Tân Thành	994(28)	37	CLN	0,010	0,010		